

Số: 99/2020/QĐST-HNGĐ

Thủ Đức, ngày 20 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm Linh P, sinh năm 1989

Thường trú: khu phố a, phường Hiệp Bình C, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1991

Thường trú: khu phố a, phường Hiệp Bình C, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/01/2020.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Linh P, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1991 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Gia Bảo M, sinh ngày 29/01/2015.

Bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Gia Bảo M, sinh ngày 29/01/2015, ông Phương cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng bắt đầu từ tháng 02/2020 cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Phương chưa thi hành thì hàng tháng ông Phương còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Ông Phạm Linh P và bà Nguyễn Thị Thùy T xác định không có.

Về nợ chung: Ông Phạm Linh P và bà Nguyễn Thị Thùy T xác định không có.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Phạm Linh P và bà Nguyễn Thị Thùy T chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/01/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Linh P và bà Nguyễn Thị Thùy T thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Gia Bảo M, sinh ngày 29/01/2015.

Bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Gia Bảo M, sinh ngày 29/01/2015, ông Phương cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm trăm triệu) đồng. Thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng bắt đầu từ tháng 02/2020 cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Phạm Linh P không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng ông Phạm Linh P còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3 Về tài sản chung: Ông Phạm Linh P và bà Nguyễn Thị Thùy T xác định không có.

1.4 Về nợ chung: Ông Phạm Linh P và bà Nguyễn Thị Thùy T xác định không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Phạm Linh P và bà Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện chịu, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông Phạm Linh P và bà Nguyễn Thị Thùy T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0056548 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông Phạm Linh P và bà Nguyễn Thị Thùy T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh Nguyệt